

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I.
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: TOÁN – LỚP 7
Thời gian: 90 phút

[illegible]

2	Hình khối trong thực tiễn (10 tiết)	hộp chữ nhật và hình lập phương	2 0,5đ							1 0,5đ	1 0,5đ				2	1	1	4đ 40%
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	2 0,5đ			4 1đ	4 1đ								6	4		
3	Các hình học cơ bản (05 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	4 1đ												4			1đ 10%
Tổng số câu			12 3đ			4 1đ	4 1đ			3 1,5đ	1 0,5đ		1 0,5đ	4 2,5đ	16	8	5	29 10đ
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	100%
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100%

UBND XÃ ĐẤT ĐỎ
TRƯỜNG THCS PHƯỚC THANH

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN
LỚP 7 - GIỮA KÌ I. NĂM HỌC 2025-2026

Thời gian: 90 phút

[illegible]

			Thông hiểu: – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.												
			Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.												TL 1.1 (TD LL)
		Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số							TN 15a, b (TD LL)				TL 1.3 (TD LL)	

		hữu tỉ. Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn <i>(đơn giản, quen thuộc)</i> gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến													TL 1.2 (TD LL) TL 2 a,b (GQ VĐ)
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

			chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).												
2	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	Nhận biết Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	TN7 (GT TH) TN 11 (GT TH)											
			Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập								TN 16a (TD LL)				

[illegible]

3	hình học cơ bản	phân giác của một góc	– Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). – Nhận biết được tia phân giác của một góc. – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập	TH) 6 (GT TH) 9 (GT TH) 12 (GT TH)											
Tổng số câu				12			4	4			3	1		1	4
Tổng số điểm					3,0		2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ %					30		20			20			30		

Đề gồm có 03 trang

I. TRẮC NGHIỆM: (7 điểm)

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Chọn đáp án đúng nhất.

Câu 1: Số đối của $\frac{3}{4}$ là

A. $-\frac{3}{-4}$

B. $-\frac{3}{4}$

C. $-\frac{4}{3}$

D. $\frac{4}{3}$

Câu 2: Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là

A. $\mathbb{N}$

B. $\mathbb{N}^*$

C. $\mathbb{Q}$

D. $\mathbb{Z}$

Câu 3: Các số $-\frac{3}{5}$; 0; $\frac{2}{5}$ được xếp theo thứ tự tăng dần là

A. $-\frac{3}{5}$; 0; $\frac{2}{5}$

B. $-\frac{3}{5}$; $\frac{2}{5}$; 0

C. $\frac{2}{5}$; $-\frac{3}{5}$; 0

D. $\frac{2}{5}$; 0; $-\frac{3}{5}$

Câu 4: Trong các số $2,15$; $-2\frac{1}{3}$; $-\frac{4}{-5}$; 0; $-\frac{5}{6}$; $\frac{5}{7}$ có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

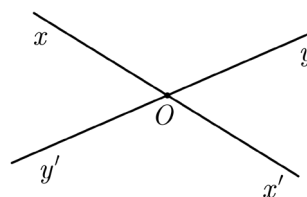
Câu 5: Cho hình vẽ, $\widehat{xOy'}$ và $\widehat{x'Oy}$ là hai góc

A. đối đỉnh

B. kề bù

C. kề nhau

D. bù nhau



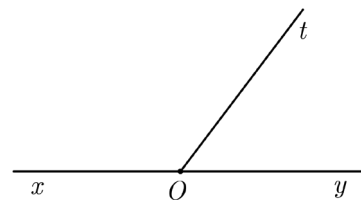
Câu 6: Cặp góc kề bù có trong hình bên là

A. $\widehat{xOt}$ và $\widehat{tOy}$

B. $\widehat{xOy}$ và $\widehat{yOt}$

C. $\widehat{xOt}$ và $\widehat{tOx}$

D. $\widehat{xOy}$ và $\widehat{xOt}$



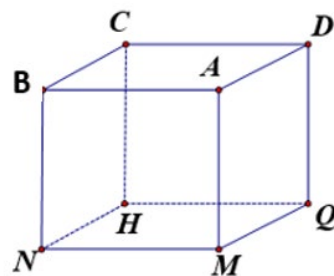
Câu 7: Cho hình lập phương như hình bên. Đường chéo của hình lập phương là

A. AC

B. MD

C. BQ

D. MN

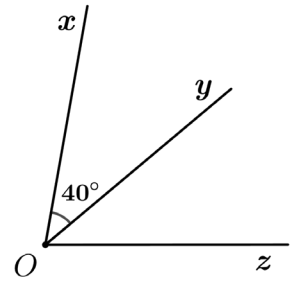


Câu 8: Hình lăng trụ đứng tam giác có hai mặt đáy là

- A. hình tam giác B. hình tứ giác
C. hình chữ nhật D. hình thang

Câu 9: Cho hình vẽ, biết $\widehat{xOy} = 40^\circ$, Oy là tia phân giác của góc $\widehat{xOz}$. Khi đó số đo $\widehat{xOz}$ bằng

- A. 20° B. 140°
C. 80° D. 40°

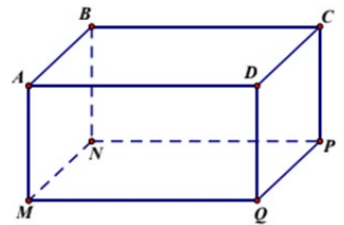


Câu 10: Hình lăng trụ đứng tứ giác có các mặt bên là

- A. hình chữ nhật B. hình vuông
C. hình bình hành D. hình tam giác

Câu 11: Cho hình hộp chữ nhật như hình bên, các cạnh bằng với cạnh AB là

- A. BC, AD, DC B. BC, CD, DA
C. BN, MN, MA D. CD, PQ, NM



Câu 12: Cho $\widehat{xOy} = 60^\circ$. Tính số đo góc $\widehat{zOt}$ biết $\widehat{xOy}$ đối đỉnh với góc $\widehat{zOt}$

- A. $\widehat{zOt} = 150^\circ$ B. $\widehat{zOt} = 60^\circ$ C. $\widehat{zOt} = 30^\circ$ D. $\widehat{zOt} = 180^\circ$

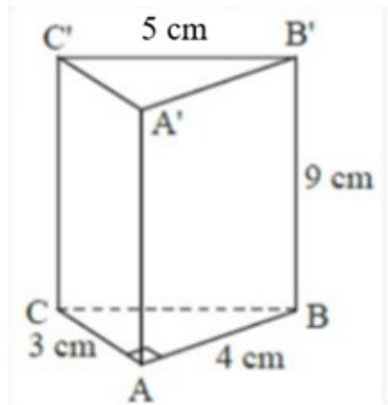
Phần 2. (2,0 điểm) Câu trả lời đúng sai

Ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13: Cho hình lăng trụ đứng tam giác $ABC.A'B'C'$ như hình bên. Xét tính đúng/sai của các khẳng định sau:

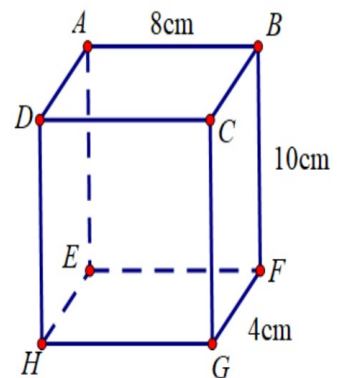
- a) Chiều cao của hình lăng trụ là 3cm.
b) Các mặt bên là các hình chữ nhật bằng nhau
c) Mặt đáy của hình lăng trụ là tam giác vuông
d) Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác

là 108cm^2



Câu 14: Cho hình lăng trụ đứng tứ giác ABCD.EFGH có đáy là hình chữ nhật như hình bên. Xét tính **đúng/sai** của các khẳng định sau:

- a) Chiều cao của hình lăng trụ đứng tứ giác là 10cm.
b) Chu vi đáy của hình lăng trụ đứng tứ giác là 12cm.
c) Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tứ giác là 240 cm^2 .
d) Diện tích mặt đáy của hình lăng trụ đứng tứ giác là 80cm^2 .



Phần 3. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Trong mỗi câu, hãy viết câu trả lời/ đáp án mà không cần trình bày lời giải chi tiết

Câu 15:

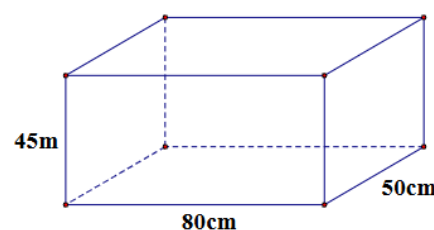
a) Kết quả của phép tính $\left(\frac{2}{3}\right)^7 : \left(\frac{2}{3}\right)^5$ bằng

b) Biết $x - \frac{4}{3} = \frac{5}{6}$. Khi đó giá trị x =.....

Câu 16: Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật làm bằng kính (không có nắp) có chiều dài 80cm, chiều rộng 50cm, chiều cao 45cm.

a) Thể tích của bể cá là:

b) Biết mực nước ban đầu có trong bể là 35cm, người ta cho vào bể một hòn đá có thể tích 10000cm³. Khi đó mực nước trong bể lúc này cao là:



II. TỰ LUẬN: (3 điểm)

Bài 1: (2 điểm)

1) So sánh: $\frac{-5}{6}$ và $\frac{-7}{8}$.

2) Thực hiện phép tính: a) $\frac{5}{7} \cdot \frac{4}{13} + \frac{5}{7} \cdot \frac{9}{13}$; b) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \cdot \left(\frac{2}{3}\right)^2$

3) Tìm x, biết $\frac{5}{4} + x = \frac{3}{2}$

Bài 2: (1 điểm)

Một thương gia nhập 50 chiếc Iphone14 promax từ Trung Quốc về Việt Nam để bán. Mỗi chiếc nhập là 26 000 000 đồng. Chi phí cho việc vận chuyển cùng các loại thuế là 20 000 000 đồng. Hỏi:

a) Thương gia phải bỏ ra bao nhiêu tiền vốn để đưa 50 chiếc Iphone về Việt Nam?

b) Khi về Việt Nam mỗi chiếc bán 35 000 000 đồng. Sau khi bán hết 50 chiếc Iphone trên thì thương gia được lãi bao nhiêu tiền?

..... HẾT

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh

Họ và tên, chữ kí giám thị 1:.....

I. TRẮC NGHIỆM: (7 điểm)

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (trả lời đúng mỗi câu ghi 0,25 điểm)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
B	C	A	C	A	A	C	A	C	A	D	B

Phần 2. (2,0 điểm) Câu trả lời đúng sai. (trả lời đúng mỗi ý ghi 0,25 điểm)

Câu 13. a) Sai b) Sai c) Đúng d) Đúng

Câu 14. a) Đúng b) Sai c) Đúng d) Sai

Phần 3. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 15: (1 điểm). (Mỗi ý trả lời đúng ghi 0,5 điểm)

a) $\frac{4}{9}$ b) $\frac{13}{6}$

Câu 16: (1 điểm). (Mỗi ý trả lời đúng ghi 0,5 điểm)

a) $180\,000\text{cm}^3$ b) $37,5\text{cm}$

II. TỰ LUẬN: (3 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
1 (2 điểm)	1) So sánh: $\frac{-5}{6}$ và $\frac{-7}{8}$ Ta có: $\frac{-5}{6} = \frac{-20}{24}$ $\frac{-7}{8} = \frac{-21}{24}$	0,25
	Vì $-20 > -21$ nên $\frac{-20}{24} > \frac{-21}{24}$. Vậy $\frac{-5}{6} > \frac{-7}{8}$.	0,25

	2) Thực hiện phép tính a) $\frac{5}{7} \cdot \frac{4}{13} + \frac{5}{7} \cdot \frac{9}{13} = \frac{5}{7} \left(\frac{4}{13} + \frac{9}{13} \right) = \frac{5}{7} \cdot 1 = \frac{5}{7}$ b) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \cdot \left(\frac{2}{3} \right)^2 = \frac{3}{4} + \frac{1}{4} \cdot \frac{4}{9} = \frac{3}{4} + \frac{1}{9} = \frac{27}{36} + \frac{4}{36} = \frac{31}{36}$	0,25x2 0,25x2
	3) $\frac{5}{4} + x = \frac{3}{2}$ $x = \frac{3}{2} - \frac{5}{4}$ $x = \frac{1}{4}$	0,25 0,25
2 (1 điểm)	a) Thương gia bỏ số tiền vốn là: $26\,000\,000 \cdot 50 + 20\,000\,000 = 1\,320\,000\,000$ (đồng)	0,5
	b) Sau khi bán hết 50 chiếc Iphone thương gia lãi số tiền là: $35\,000\,000 \cdot 50 - 1\,320\,000\,000 = 430\,000\,000$ (đồng)	0,5

..... HẾT

* *Lưu ý:* - Mọi cách làm khác của học sinh nếu đúng vẫn được tròn điểm.